NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2022

Ngành: Kinh tế

Chuyên ngành:

- Kinh tế số

- Kinh doanh quốc tế

Mã số ngành: 7310101 Số tín chỉ tích lũy: **134**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ					
		Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		**50**	**50**	**0**	**0**	**0**	**0**
Phần bắt buộc		**44**	**44**	**0**	**0**	**0**	**0**
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật		**14**	**14**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Triết học Mác - Lênin	3	3				
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2				
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2				
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				
6	Pháp luật đại cương	3	3				
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ		**6**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	ĐC về công nghệ thông tin và truyền thông	3	3				
2	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3				
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường		**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Môi trường và con người	3	3				
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương		**12**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Kế toán đại cương	3	3				
2	Marketing căn bản	3	3				
3	Quản trị học	3	3				
4	Tinh thần khởi nghiệp	3	3				
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa		**6**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3				
2	Văn hiến Việt Nam	3	3				
I.6. Các học phần về tố chất cá nhân chung		**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Phương pháp học đại học	3	3				
Phần tự chọn		**6**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**
(Chọn 1 trong 3 học phần)		**3**	**3**				
1	Các vấn đề xã hội đương đại	3	3				
2	Tâm lý học đại cương	3	3				
3	Toán cao cấp	3	3				
(Chọn 1 trong 3 học phần)		**3**	**3**				
1	Biểu diễn Âm nhạc và Khiêu vũ	3	3				
2	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	3				
3	Thống kê ứng dụng	3	3				
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		**84**	**60**	**0**	**12**	**0**	**12**
II.1. Các học phần cơ sở ngành		**18**	**17**	**0**	**1**	**0**	**0**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ					
		Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN
II.1a. Phần bắt buộc		**12**	**11**	**0**	**1**	**0**	**0**
1	Kinh tế lượng	3	3				
2	Kinh tế vi mô	3	3				
3	Kinh tế vĩ mô	3	3				
4	Nhập môn ngành Kinh tế	2	2				
5	Trải nghiệm ngành, nghề Kinh tế	1			1		
II.1b. Phần tự chọn		**6**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**
(Chọn 2 trong 4 học phần)		**6**	**6**				
1	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	3				
2	Quản trị chiến lược	3	3				
3	Quan hệ công chúng	3	3				
4	Kinh tế lao động	3	3				
II.2. Các học phần chuyên ngành		**49**	**43**	**0**	**6**	**0**	**0**
II.2a. Phần bắt buộc		**19**	**13**	**0**	**6**	**0**	**0**
1	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Kinh tế	1	1				
2	Kinh tế vi mô nâng cao	3	3				
3	Luật kinh tế	3	3				
4	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	3				
5	Thực tập cơ sở Kinh tế	3			3		
6	Thực tập nghề nghiệp Kinh tế	3			3		
7	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	3				
II.2b. Phần tự chọn		**9**	**9**	**0**	**0**	**0**	**0**
(Chọn 2 trong 4 học phần)		**6**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	3				
2	Đạo đức trong kinh doanh	3	3				
3	Marketing địa phương	3	3				
4	Tài chính quốc tế	3	3				
(Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Thẩm định giá bất động sản	3	3				
2	Tài chính doanh nghiệp	3	3				
3	Kinh tế môi trường	3	3				
II.2c. Phần tự chọn chuyên ngành sâu		**21**	**21**	**0**	**0**	**0**	**0**
Chuyên ngành 1: Kinh tế số		**21**	**21**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Kinh tế công	3	3				
2	Kinh tế quốc tế	3	3				
3	Phân tích chính sách	3	3				
4	Kinh tế phát triển	3	3				
5	Cơ sở dữ liệu	3	3				
6	Lý thuyết kinh tế số	3	3				
(Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**	**3**				
7	Thanh toán quốc tế	3	3				
	Quan hệ công chúng	3	3				
Chuyên ngành 2: Kinh doanh quốc tế		**21**	**21**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Marketing quốc tế	3	3				
2	Kinh doanh quốc tế	3	3				

STT	Tên học phần	Số tín chỉ					
		Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN
3	Nghiên cứu thị trường	3	3				
4	Nghiệp vụ ngoại thương	3	3				
5	Quản trị nhân sự quốc tế	3	3				
6	Thanh toán quốc tế	3	3				
(Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**	**3**				
7	Quản trị xuất nhập khẩu	3	3				
	Thương mại quốc tế	3	3				
II.3. Các học phần tốt nghiệp		**17**	**0**	**0**	**5**	**0**	**12**
1	Thực tập tốt nghiệp Kinh tế	5			5		
2	Khóa luận tốt nghiệp Kinh tế	12					12
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp Kinh tế		**12**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**
Chuyên ngành: Kinh tế số							
1	Khởi nghiệp kinh doanh	3	3				
2	Thống kê kinh tế	3	3				
3	Truyền thông số	3	3				
4	Kho dữ liệu và OLAP	3	3				
Chuyên ngành: Kinh doanh quốc tế							
1	Khởi nghiệp kinh doanh	3	3				
2	Vận tải bảo hiểm	3	3				
3	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	3				
4	Đàm phán trong kinh doanh	3	3				
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY							
1	Giáo dục thể chất 1	1		1			
2	Giáo dục thể chất 2	1		1			
3	Giáo dục thể chất 3	1		1			
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Theo quy định hiện hành					
5	Kỹ năng mềm	Theo quy định hiện hành					
6	Năng lực ngoại ngữ	Theo quy định hiện hành					
7	Năng lực tin học	Theo quy định hiện hành					

Ghi chú:

** Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh: Sinh viên học tập theo kế hoạch của Nhà trường.*

** Các học phần Kỹ năng mềm: Sinh viên liên hệ với Viện Doanh trí để đăng ký học và thi.*

** Năng lực ngoại ngữ, Năng lực tin học: Sinh viên liên hệ với Trung tâm Ngoại ngữ, Trung tâm Tin học để đăng ký học và thi.*